TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 281/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2026
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đinh Thị Quỳnh An
2. Ông Mai Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 792/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5655/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Hồng Tố N, sinh năm 1989; địa chỉ: Khu phố 2, phường A, Thành phố H; (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn*: Ông Phạm Đình T, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu phố 13, phường A, Thành phố H; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nộp ngày 08 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Hồng Tố N trình bày:

Bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2011, rồi đăng ký kết hôn với nhau, có tổ chức lễ cưới, được Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh L cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 23 tháng 5 năm 2016.

Trong quá trình chung sống, đến năm 2020 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Phạm Đình T nghiện rượu, chửi bới vợ con, không tôn trọng và xúc phạm ba mẹ

vợ. Nguyên đơn nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng với bị đơn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không bền vững nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình T để ổn định cuộc sống về sau. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ trong nội bộ gia đình biết, chính quyền địa phương và khu phố không ai biết.

Về con chung: Bà Phạm Hồng Tố N xác nhận bà và ông Phạm Đình T có 02 con chung là Phạm Phương M sinh ngày 07/9/2016 và Phạm Tuấn M1 sinh ngày 16/7/2020. Bà Phạm Hồng Tố N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và bà không yêu cầu ông Phạm Đình T cấp dưỡng nuôi 02 con chung, bị đơn có thu nhập thấp. Kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, bà Phạm Hồng Tố N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Hồng Tố N xác nhận bà với ông Phạm Đình T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa triệu tập ông Phạm Đình T nhiều lần đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng ông Phạm Đình T không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của ông cũng như không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa: Ông Phạm Đình T vắng mặt không có lý do. Bà Phạm Hồng Tố N có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với ông Phạm Đình T, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, ông Phạm Đình T cư trú tại phường Thới An, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hồng Tố N xin ly hôn với ông Phạm Đình T và nguyên đơn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ tranh chấp giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T là ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn là ông Phạm Đình T có địa chỉ cư trú tại khu phố 13, phường A, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung).

Về người tham gia tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập ông Phạm Đình T, bà Phạm Hồng Tố N tham gia phiên tòa xét xử lần hai, tại phiên tòa hôm nay, ông Phạm Đình T vắng mặt không có lý do, bà Phạm Hồng Tố N có đơn xin vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Bà Phạm Hồng Tố N yêu cầu ly hôn với ông Phạm Đình T. Hôn nhân giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 46 ngày 23 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện D, tỉnh L.

Bà Phạm Hồng Tố N trình bày trong quá trình chung sống, đến năm 2020 thì ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông bà bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Phạm Đình T nghiện rượu, chửi bới vợ con, không tôn trọng và xúc phạm ba mẹ vợ. Nguyên đơn nỗ lực hàn gắn tình cảm vợ chồng với bị đơn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn. Hiện tại ông bà đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không bền vững nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Đình T để ổn định cuộc sống về sau.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T tại Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy bân nhân dân phường A, Thành phố H, kết quả xác minh trả lời chưa tiếp nhận đơn yêu cầu hòa giải mâu thuẫn giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Bà Phạm Hồng Tố N đã từng nộp đơn ly hôn với ông Phạm Đình T nhưng được Tòa án động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ vợ chồng nên nguyên đơn đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện cho bị đơn sửa đổi và hàn gắn tình cảm, Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 751/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2025. Tuy nhiên, ông Phạm Đình T không có thiện chí sửa đổi hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế, giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T đã sống ly thân. Tòa án đã tổ chức phiên họp hòa giải đoàn tụ hàn gắn tình cảm vợ

chồng cho bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T nhưng bị đơn vắng mặt, còn nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử và không hòa giải do bị đơn không có thiện chí, không thể hàn gắn tình cảm được, nguyên đơn xin vắng mặt, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn và không thể hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nên các đương sự đều vắng mặt. Bà Phạm Hồng Tố N tha thiết yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Đình T, điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được. Bà Phạm Hồng Tố N thực sự không còn yêu thương, không quan tâm đến ông Phạm Đình T nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Phạm Hồng Tố N với ông Phạm Đình T là có cơ sở.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà Phạm Hồng Tố N với ông Phạm Đình T hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Hồng Tố N với ông Phạm Đình T là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Hồng Tố N với ông Phạm Đình T.

Về con chung: Bà Phạm Hồng Tố N xác nhận bà và ông Phạm Đình T có 02 con chung là Phạm Phương M sinh ngày 07/9/2016 và Phạm Tuấn M1 sinh ngày 16/7/2020. Bà Phạm Hồng Tố N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến tuổi trưởng thành, bà không yêu cầu ông Phạm Đình T cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Kể từ thời điểm vợ chồng ly thân đến nay, bà Phạm Hồng Tố N là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung.

Tòa án cũng tham khảo ý kiến của cháu Phạm Phương Mộc Yên từ 07 tuổi trở lên thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phạm Hồng Tố N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, hiện nay cả 02 con chung đang ở với bà Phạm Hồng Tố N, do bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ông Phạm Đình T không có ý kiến trình bày và vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung cho bà Phạm Hồng Tố N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con chung là cháu Phạm Phương Mộc Yên và cháu Phạm Tuấn Minh đến tuổi trưởng thành là phù hợp với nguyện vọng của con chung từ 07 tuổi trở lên, phù hợp với điều kiện của các đương sự, đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống của 02 trẻ về mặt thể chất cũng như tinh thần. Bà Phạm Hồng Tố N không yêu cầu ông Phạm Đình T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Hồng Tố N xác nhận bà với ông Phạm Đình T không có, bị đơn không có ý kiên nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*:* Bà Phạm Hồng Tố N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung);

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hồng Tố N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Hồng Tố N được ly hôn với ông Phạm Đình T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 46 của Ủy ban nhân dân xã Tân Châu, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23 tháng 5 năm 2016 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T có 02 con chung là Phạm Phương M sinh ngày 07/9/2016 và Phạm Tuấn M1 sinh ngày 16/7/2020. Giao 02 con chung là Phạm Phương M sinh ngày 07/9/2016 và Phạm Tuấn M1 sinh ngày 16/7/2020 cho bà Phạm Hồng Tố N là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con chung đến tuổi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung của ông Phạm Đình T cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Ông Phạm Đình T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Hồng Tố N và ông Phạm Đình T không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Hồng Tố N phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Phạm Hồng Tố N đã nộp theo biên lai thu số 0026024 ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Phạm Hồng Tố N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung).

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND Khu vực 7;
- Phòng Thi hành án DS khu vực 7;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS (Tú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Tám